

Số: 406/2024/QĐST-DS

Quận 8, ngày 24 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478, Điều 637 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2021/DSST ngày 23 tháng 3 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thúy N1, sinh năm: 1964 và bà Phạm Thị P, sinh năm: 1944; Cùng địa chỉ: 54 đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị P: Bà Nguyễn Thị Thúy N1, sinh năm: 1964; Địa chỉ: 54 đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị P; Theo Giấy ủy quyền số công chứng: 00012798, quyền số: 13/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 13/10/2018 tại Văn phòng Công chứng T.

1.2. Bị đơn:

1.2.1. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 166/8 đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2.2. Bà Nguyễn Thị Kim N2, sinh năm : 1973; Địa chỉ: 166/8 đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2.3. Ông Nguyễn Kim H, sinh năm: 1975; Địa chỉ: 177/20 đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2.4. Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 40/27/10 đường H, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim Y: Ông Lê Hoài S, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 287 đường C, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim Y; Theo Giấy ủy quyền số công chứng 2019, quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 18/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Đ.

1.2.5. Ông Nguyễn Kim D, sinh năm: 1980; Địa chỉ: 166/8 đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2.6. Ông Nguyễn Kim N3, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 177/20 đường L, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy N1 và bà Phạm Thị P có bà Nguyễn Thị Thúy N1 làm đại diện cùng với các bị đơn gồm: Bà Nguyễn Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Kim N2, ông Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Y có ông Lê Hoài S làm đại diện, ông Nguyễn Kim D, ông Nguyễn Kim N3 thống nhất:

Đối với khoản vay 83.500.000 đồng theo Hợp đồng vay ngày 06/9/2016 ký giữa bà Phạm Thị P và bà Nguyễn Thị Thúy N1 với bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Kim A tính đến ngày 24/9/2024: Nợ gốc là 54.136.250 (Năm mươi bốn triệu một trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm năm

mười) đồng, lãi trong hạn là 15.962.708 (Mười lăm triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm lẻ tám) đồng, lãi quá hạn là 27.027.522 (Hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm hai mươi hai) đồng. Tổng cộng là 97.126.480 (Chín mươi bảy triệu một trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi) đồng (1).

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền thế chấp nhà ngày 08/12/2016 ký giữa bà Phạm Thị P và bà Nguyễn Thị Thuý N1 với bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Kim A tính đến ngày 24/9/2024: Nợ gốc là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng, lãi trong hạn là 20.925.000 (Hai mươi triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn) đồng, lãi quá hạn là 38.790.000 (Ba mươi tám triệu bảy trăm chín mươi ngàn) đồng. Tổng cộng là 149.715.000 (Một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm mười lăm ngàn) đồng (2).

Tổng cộng: (1) + (2) = Nợ gốc là 144.136.250 (Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi) đồng, nợ lãi là 102.705.230 (Một trăm lẻ hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi) đồng.

Nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trả số tiền nợ gốc là 144.136.250 (Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi) đồng và nợ lãi là 102.705.230 đồng – 30.000.000 đồng = 72.705.230 (Bảy mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi) đồng.

Do đó, bà Nguyễn Thị Kim A và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị L là bà Nguyễn Thị Kim N2, ông Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Nguyễn Kim D, ông Nguyễn Kim N3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị P và bà Nguyễn Thị Thuý N1 tổng số tiền là 216.841.480 (Hai trăm mười sáu triệu tám trăm bốn mươi một ngàn bốn trăm tám mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 144.136.250 (Một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi) đồng, nợ lãi là 72.705.230 (Bảy mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn hai trăm ba mươi) đồng. Phương thức thanh toán là 10.000.000 đồng/tháng, vào ngày 15 dương lịch, lần lượt hàng tháng cho đến khi dứt số tiền 216.841.480 (Hai trăm mười sáu triệu tám trăm bốn mươi một ngàn bốn trăm tám mươi) đồng. Bắt đầu trả nợ vào ngày 15/11/2024. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Bà Phạm Thị P và bà Nguyễn Thị Thuý N1 có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim A thẻ ATM -Viettinbank số 9704155204406732.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

2.3.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 10.842.074 (Mười triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn không trăm bảy mươi bốn) đồng, nguyên đơn và bị đơn phải chịu, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Thúy N1 và bà Phạm Thị P phải chịu là 5.421.037 (Năm triệu bốn trăm hai mươi một ngàn không trăm ba mươi bảy) đồng nhưng được trừ vào số tiền án phí đã nộp 5.662.500 (Năm triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm) đồng theo Biên lai thu tiền số 0018508 ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị Thúy N1 và bà Phạm Thị P số tiền là 241.463 (Hai trăm bốn mươi một ngàn bốn trăm sáu mươi ba) đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim A và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị L là bà Nguyễn Thị Kim N2, ông Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Y, ông Nguyễn Kim D, ông Nguyễn Kim N3 phải chịu là 5.421.037 đồng (Năm triệu bốn trăm hai mươi một ngàn không trăm ba mươi bảy), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3.2. Chi phí tố tụng khác: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thúy N1 và bà Phạm Thị P về việc chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Kim A và bà Nguyễn Thị L là 9.000.000 (Chín triệu) đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn